TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 12/2026/DS-ST Ngày 07-8-2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Hùng; Bà Quách Thị Lê .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1019/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Cao Duy T** - Trưởng phòng XLN pháp lý tích hợp 01.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: **ông Nguyễn Văn M**.

Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Trung tâm thương mại T4 Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- **Công ty Cổ phần M1.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Bùi Công T1** - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Quốc T2** - Phó Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: **Bà Đào Thị Bích .**

Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Trung tâm thương mại T4 Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Làng C, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) và Công ty Cổ phần M1 trình bày:

Ngày 11/8/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và ông Nguyễn Hữu Q ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420, theo đó V1 cấp cho ông Nguyễn Hữu Q hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng. Cùng ngày, các bên ký Khế ước nhận nợ để giải ngân khoản vay. Ngoài khoản vay trên, ông Nguyễn Hữu Q còn được V1 cấp hạn mức thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tối đa bằng 5% khoản vay (tương đương 250.000.000 đồng).

Để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các khoản cấp tín dụng, ông Nguyễn Hữu Q thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37 tại xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL577594, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH02427 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/3/2013, đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Hữu Q ngày 27/7/2022.

Sau khi V1 giải ngân, ông Nguyễn Hữu Q đã nhận tiền vay và sử dụng vốn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán được một phần nợ gốc và tiền lãi nhưng sau đó không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Từ ngày 11/3/2024, ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các khoản nợ chuyển sang quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

Ngày 30/5/2024, V1 và Công ty Cổ phần M1 ký Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS và Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS. Theo các hợp đồng này, V1 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần M1 90% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420 ngày 11/8/2022 và toàn bộ khoản nợ phát sinh từ khoản cấp hạn mức thẻ tín dụng của ông Nguyễn Hữu Q; V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa chuyển nhượng.

Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán toàn bộ các khoản nợ thuộc quyền yêu cầu của V1 và Công ty Cổ phần M1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức, khoản cấp hạn mức thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng có liên quan; tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán thì ông Q phải tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn cập nhật số tiền ông Nguyễn Hữu Q đã thanh toán và số dư nợ phát sinh. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2026, ông Nguyễn Hữu Q đã thanh toán tổng số tiền 1.931.734.707 đồng, gồm 773.812.000 đồng tiền gốc và 1.157.922.707 đồng tiền lãi.

Sau khi đối trừ các khoản tiền ông Nguyễn Hữu Q đã thanh toán, các đồng nguyên đơn tiếp tục yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 là 6.463.945.002 đồng, gồm: nợ gốc 4.226.188.000 đồng; nợ lãi trong hạn 43.450.332 đồng; nợ lãi quá hạn 1.537.374.948 đồng; nợ lãi chậm trả 201.293.910 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng và nợ lãi thẻ tín dụng 269.795.360 đồng. Cụ thể:

- Đối với Công ty Cổ phần M1: Yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 là 5.863.114.283 đồng, gồm: nợ gốc 3.803.569.200 đồng; nợ lãi trong hạn 39.105.299 đồng; nợ lãi quá hạn 1.383.637.453 đồng; nợ lãi chậm trả 181.164.519 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng và nợ lãi thẻ tín dụng 269.795.360 đồng.
- Đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1): Yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 là 600.830.719 đồng, gồm: nợ gốc 422.618.800 đồng; nợ lãi trong hạn 4.345.033 đồng; nợ lãi quá hạn 153.737.495 đồng và nợ lãi chậm trả 20.129.391 đồng.

Ngày 07/8/2026, tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 201.293.910 đồng tiền lãi chậm trả. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M1 tự nguyện rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 269.795.360 đồng tiền lãi thẻ tín dụng. Các yêu cầu khởi kiện còn lại, các đồng nguyên đơn giữ nguyên và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi rút các phần yêu cầu nêu trên, các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền còn lại là 5.992.855.732 đồng, trong đó: thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 5.412.154.404 đồng, gồm nợ gốc 3.803.569.200 đồng, tiền lãi 1.422.742.752 đồng và nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng; thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 580.701.328 đồng, gồm nợ gốc 422.618.800 đồng và tiền lãi 158.082.528 đồng.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng có liên quan; trường hợp ông Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo

đảm không đủ thanh toán thì ông Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với phần còn thiếu.

Về chi phí tố tụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q hoàn trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm, các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ thanh toán mà Tòa án chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu Q không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu phản tố. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện ông Q không còn cư trú tại địa chỉ đăng ký thường trú, không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng; chính quyền địa phương và gia đình không xác định được nơi cư trú hiện tại của ông Q. Do không xác định được nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông Nguyễn Hữu Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đề nghị của các đồng nguyên đơn, Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Kết quả xem xét, thẩm định xác định tài sản bảo đảm là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37 tại xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích theo Giấy chứng nhận là 3.569,1 m²; trên đất không có công trình xây dựng, không có người sinh sống, hiện trạng phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét, thẩm định đã được Tòa án thông báo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Các đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q không còn cư trú tại địa chỉ đăng ký thường trú và không thông báo địa chỉ cư trú mới. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, thực hiện việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu khởi kiện mà các đồng nguyên đơn đã tự nguyện rút, gồm: yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 201.293.910 đồng tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử và yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 269.795.360 đồng tiền lãi thẻ tín dụng.

Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1; buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền 5.992.855.732 đồng, trong đó thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 5.412.154.404 đồng, gồm nợ gốc 3.803.569.200 đồng, tiền lãi 1.422.742.752 đồng và nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng; thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 580.701.328 đồng, gồm nợ gốc 422.618.800 đồng và tiền lãi 158.082.528 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Hữu Q còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng có liên quan.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ; trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nghĩa vụ thì ông Nguyễn Hữu Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với phần còn thiếu.

Về chi phí tố tụng, ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 tự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q hoàn trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ tài sản được Tòa án chấp nhận; hoàn trả cho các đồng nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và sự vắng mặt của đương sự:

Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420 ngày

11/8/2022 và các văn bản tín dụng có liên quan; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q có nơi cư trú cuối cùng tại làng C, xã N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn; kết quả xác minh thể hiện ông Nguyễn Hữu Q không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên và không thông báo địa chỉ cư trú mới. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn

[2.1] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 201.293.910 đồng tiền lãi chậm trả. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M1 tiếp tục tự nguyện rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 269.795.360 đồng tiền lãi thẻ tín dụng.

Xét việc rút các phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán khoản nợ còn lại

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420 ngày 11/8/2022, các khế ước nhận nợ, các văn bản cấp hạn mức tín dụng thẻ và hợp đồng thế chấp được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện; hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi hợp đồng được ký kết, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã thực hiện việc giải ngân theo thỏa thuận; ông Nguyễn Hữu Q đã nhận tiền vay, sử dụng vốn và thanh toán được một phần nợ gốc, tiền lãi. Do đó, các hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ngày 30/5/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 ký Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS và Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS, theo đó V1 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần M1 90% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420 ngày 11/8/2022 và toàn bộ khoản nợ phát sinh từ khoản cấp hạn mức thẻ tín dụng của ông Nguyễn Hữu Q; V1 tiếp tục có quyền đối với 10% khoản nợ còn lại của

hợp đồng cho vay hạn mức. Việc chuyển nhượng khoản nợ không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu Q.

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, tính đến ngày 07/8/2026, sau khi đối trừ các khoản ông Nguyễn Hữu Q đã thanh toán, số dư nợ thuộc quyền yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 là 5.681.949.764 đồng, gồm nợ gốc 3.803.569.200 đồng, tiền lãi 1.422.742.752 đồng, nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng và tiền lãi thẻ tín dụng 269.795.360 đồng; số dư nợ thuộc quyền yêu cầu của V1 là 580.701.328 đồng, gồm nợ gốc 422.618.800 đồng và tiền lãi 158.082.528 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty Cổ phần M1 đã rút yêu cầu đối với số tiền 269.795.360 đồng tiền lãi thẻ tín dụng. Vì vậy, phạm vi yêu cầu khởi kiện còn lại được Hội đồng xét xử xem xét là tổng số tiền 5.992.855.732 đồng, trong đó Công ty Cổ phần M1 yêu cầu thanh toán 5.412.154.404 đồng, gồm nợ gốc 3.803.569.200 đồng, tiền lãi 1.422.742.752 đồng và nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng; V1 yêu cầu thanh toán 580.701.328 đồng, gồm nợ gốc 422.618.800 đồng và tiền lãi 158.082.528 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do các đồng nguyên đơn cung cấp về việc giao kết và thực hiện hợp đồng, quá trình giải ngân, thanh toán, chuyển nhượng khoản nợ và bảng kê tính nợ có sự phù hợp với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chứng minh số liệu khoản nợ do các đồng nguyên đơn xác định là không đúng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại, buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán tổng số tiền 5.992.855.732 đồng, trong đó thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 5.412.154.404 đồng và thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 580.701.328 đồng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Hữu Q đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37 tại xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tài sản thế chấp vẫn tồn tại trên thực tế, thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận là 3.569,1m², trên đất không có công trình xây dựng, không có người sinh sống; không có tài liệu, chứng cứ thể hiện có sự thay đổi làm ảnh hưởng đến đối tượng của giao dịch bảo đảm.

Do ông Nguyễn Hữu Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật, các đồng nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nghĩa vụ thì ông Nguyễn Hữu Q vẫn phải

tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của các đồng nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng có liên quan, ông Nguyễn Hữu Q có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Q vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nên phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất đã thỏa thuận.

[3] Về chi phí tố tụng. Các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q hoàn trả. Xét đây là sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí. Do yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Căn cứ Điều 275, 278, 280, 299, điểm a khoản 1 Điều 299, các Điều 317, 318, 319, 323, 351, 401, 450 Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 100, khoản 6 Điều 102 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;*

- *Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu khởi kiện đã được các đồng nguyên đơn tự nguyện rút, gồm: yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 201.293.910 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn chín trăm mười đồng) tiền lãi chậm trả và yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán số tiền 269.795.360 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng) tiền lãi thẻ tín dụng.

2. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1.

Buộc ông Nguyễn Hữu Q thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền 5.992.855.732 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ chín trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

- Thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 5.412.154.404 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm mười hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng), gồm: Nợ gốc 3.803.569.200 đồng; tiền lãi 1.422.742.752 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 185.842.452 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 580.701.328 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi triệu bảy trăm lẻ một nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc 422.618.800 đồng; tiền lãi 158.082.528 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Hữu Q còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208036395420 ngày 11/8/2022, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng có liên quan, tương ứng với phần khoản nợ thuộc quyền yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

4. Trường hợp ông Nguyễn Hữu Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền phải trả theo bản án này, bao gồm nợ gốc, tiền lãi và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, diện tích là 3.569,1m², tại xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL577594, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH02427 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2013, đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Hữu Q ngày 27/7/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ thì ông Nguyễn Hữu Q vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 tự chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q hoàn trả.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu 113.992.856 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 10.704.147 đồng (Bằng chữ: Mười triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24P 0047547 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 56.052.514 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm mười bốn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24P 0047548 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV10 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Công T3